

Số: /BC-STNMT

Bắc Kạn, ngày tháng 12 năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Công tác cải cách hành chính định kỳ năm 2021**

Thực hiện Văn bản số 2250/SNV-TCBC&CCHC ngày 02/12/2021 của Sở Nội vụ về việc thực hiện báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường (gọi tắt là Sở) báo cáo công tác cải cách hành chính (CCHC) định kỳ năm 2021 như sau.

#### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

##### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC**

##### **1.1. Kế hoạch CCHC hàng năm**

###### *1.1.1. Ban hành kế hoạch CCHC năm:*

Thực hiện Kế hoạch số 790/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; ngày 12/01/2021 Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch số 01/KH-STNMT về triển khai công tác CCHC năm 2021.

###### *1.1.2. Chất lượng kế hoạch CCHC:*

Thực hiện đầy đủ 6 nội dung về công tác CCHC với 42 nhiệm vụ cụ thể, trong đó có 5 nhiệm vụ liên quan được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch CCHC năm 2021 ban hành kèm theo Kế hoạch số 790/KH-UBND ngày 31/12/2020.

###### *1.1.3. Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC:*

Hoàn thành 42/42 nhiệm vụ = 100% KH.

##### **1.2. Thực hiện chế độ báo cáo**

###### *1.2.1. Báo cáo CCHC định kỳ:*

- Ban hành đủ số lượng các Báo cáo CCHC định kỳ gồm: Báo cáo số 49/BC-STNMT ngày 12/3/2021 về công tác CCHC quý I; Báo cáo số 120/BC-STNMT ngày 14/6/2021 về công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo số 207/BC-STNMT ngày 15/9/2021 về công tác CCHC quý III, năm 2021.

- Báo cáo tự đánh giá chấm điểm kết quả chỉ số CCHC: Chấm trung thực, nghiêm túc.

- Về báo cáo: Các báo cáo quý I, 6 tháng, quý III và báo cáo năm 2021 đều thực hiện đúng thời gian được quy định tại Hướng dẫn số 241/SNV-CCHC&QLVTLT ngày 05/2/2021 của Sở Nội vụ.

###### *1.2.2. Báo cáo tự đánh giá chấm điểm kết quả chỉ số CCHC:*

Điểm tự đánh giá sai số không quá 5% so với kết quả chấm thẩm định.

##### **1.3. Công tác tuyên truyền CCHC**

###### *1.3.1. Mức độ đa dạng tuyên truyền CCHC:*

Đăng tải tuyên truyền các văn bản về CCHC trên trang thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ <http://tnmtbackan.gov.vn> "Chuyên mục CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH".

###### *1.3.2. Mức độ thường xuyên các hình thức tuyên truyền CCHC theo quy định:*

Ban hành Thực hiện tốt Kế hoạch số 03/KH-STNMT ngày 14/01/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về tuyên truyền công tác CCHC, trong đó thực hiện 07 nội dung về công tác CCHC với các hình thức: Lồng ghép hội nghị phổ biến, giáo dục pháp luật; tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử của Sở; lồng ghép các cuộc họp cơ quan, sinh hoạt chi bộ, hội nghị các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở, tuyên truyền trực tiếp tại nơi tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC (*Đánh giá tại các kiểm soát TTHC định kỳ: Báo cáo số 53/BC-STNMT ngày 16/3/2021 về công tác kiểm soát TTHC quý I/2021; Báo cáo số 123/BC-STNMT ngày 15/6/2021 về công tác kiểm soát TTHC quý II/2021; Báo cáo số 208/BC-STNMT ngày 15/9/2021 về công tác kiểm soát TTHC quý III/2021*).

#### **1.4. Sáng kiến trong thực hiện CCHC**

Kế hoạch số 13/KH-STNMT ngày 29/01/2021 sở Tài nguyên và Môi trường về Theo dõi tình hình thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021; Kế hoạch số 19/KH-STNMT ngày 08/02/2021 về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và pháp chế năm 2021; Kế hoạch số 20/KH-STNMT ngày 08/02/2020 về thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20 tháng 6 năm 2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09 tháng 12 năm 2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân Và thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2021.

Xây dựng xong quy định buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ: Được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 10/11/2021.

#### **1.5. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan phụ trách CCHC**

- Ban Giám đốc Sở hợp phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực và các phòng chuyên môn đơn vị, trong đó Giám đốc Sở phụ trách chính và trực tiếp chỉ đạo công tác CCHC .

- Ban hành Quyết định số 593/QĐ-STNMT ngày 06/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC của Sở Tài nguyên và Môi trường, phân công Giám đốc Sở làm trưởng ban.

#### **1.6. Kinh phí thực hiện CCHC**

Việc bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC năm 2021 là 705.000.000 đồng, trong đó Cải cách thể chế là 20.000.000đ; hiện đại hóa hành chính 685.000.000đ (*Ban hành kèm theo Kế hoạch số 01/KH-STNMT ngày 12/01/2021 về Kế hoạch CCHC năm 2021*).

#### **1.7. Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao**

Thực hiện Văn bản số 111/STNMT- VP ngày 20/01/2021 của sở Tài nguyên và Môi trường về nắm tình hình khó khăn, vướng mắc và giải pháp thực hiện nhiệm vụ công tác tài nguyên và môi trường 8/8 UBND các huyện, thành phố, Sở đã kiểm tra, nắm tình hình được 04 UBND huyện, do ảnh hưởng dịch Covid-19 còn 04 huyện chưa thực hiện được. Qua kiểm tra, nắm tình hình tại 04 huyện (Ngân Sơn, Ba Bê, Pác Nặm, Bạch Thông), Sở đã ban hành 04 thông báo kết luận,

thống nhất tổ chức thực hiện, giải quyết những khó khăn, vướng mắc về công tác tài nguyên và môi trường

## **2. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật**

### **2.1. Theo dõi thi hành pháp luật**

#### *2.1.1. Ban hành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật:*

Ban hành đúng thời gian Kế hoạch số 13/KH-STNMT ngày 29/01/2021 về Theo dõi tình hình thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021; Kế hoạch số 19/KH-STNMT ngày 08/02/2021 về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và pháp chế năm 2021. *1.2. Thực hiện các hoạt động về TDTHPL:*

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 quy định buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường của các đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh: Quyết định số 510/QĐ-STNMT ngày 31/12/2020 phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường, đã thực hiện 03 cuộc thanh tra; 01 cuộc kiểm tra phòng chống tham nhũng, lãng phí đối với 01 đơn vị trực thuộc Sở. Tổ chức kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành.

#### *2.1.3. Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật:*

Ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Tiếp tục phân công công chức kiêm nhiệm thực hiện công tác pháp chế. Đảm bảo đầy đủ kinh phí cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên và môi trường. Kịp thời tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực.

#### *2.1.4. Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành PL:*

Sở luôn báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn kết quả công tác thi hành pháp luật theo yêu cầu, hướng dẫn của Sở Tư pháp.

Năm 2021, theo hướng dẫn của Sở Tư pháp và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều 2 của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, thời điểm lấy số liệu báo cáo năm là từ ngày 01/01/2021 đến 30/11/2021, Sở sẽ có báo cáo số 229/BC-STNMT ngày 01/12/2021.

### **2.2. Thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật**

#### *2.2.1. Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL:*

Sở tiến hành rà soát đối với các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực ngành tài nguyên và môi trường đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành trong năm 2021. Kết quả: Các văn bản đều được ban hành đúng thủ tục, không có nội dung trái với văn bản của cấp trên, không phát sinh vấn đề cần xử lý.

*2.2.2. Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL:*

Sở báo cáo đầy đủ, kịp thời theo quy định và hướng dẫn của Sở Tư pháp. Kết quả thực hiện năm 2020 được báo cáo tại Văn bản số 22/BC-STNMT ngày 04/02/2021.

Kết quả thực hiện của năm 2021 chưa báo cáo do chưa đến thời hạn báo cáo

### **2.3. Thực hiện kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật**

#### *2.3.1. Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra:*

Qua tự kiểm tra văn bản QPPL thuộc lĩnh vực ngành tài nguyên và môi trường đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành không phát hiện vấn đề sai phạm cần xử lý.

#### *2.3.2. Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL:*

Sở báo cáo đầy đủ, kịp thời theo quy định và hướng dẫn của Sở Tư pháp. Kết quả thực hiện năm 2020 được báo cáo tại Văn bản số 22/BC-STNMT ngày 04/02/2021..

Kết quả thực hiện của năm 2021 chưa báo cáo do chưa đến thời hạn báo cáo.

### **3. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)**

#### **3.1. Kiểm soát quy định TTHC**

##### *3.1.1. Ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC:*

Trong tháng 1 năm 2021, Sở đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-STNMT ngày 14/01/2021 về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2021.

##### *3.1.2. Báo cáo kiểm soát TTHC:*

Ban hành các báo cáo định kỳ gồm: Báo cáo số 53/BC-STNMT ngày 16/3/2021 về công tác kiểm soát TTHC quý I/2021; Báo cáo số 123/BC-STNMT ngày 15/6/2021 về công tác kiểm soát TTHC quý II/2021; Báo cáo số 208/BC-STNMT ngày 15/9/2021 về công tác kiểm soát TTHC quý III/2021; (Kỳ Báo cáo kiểm soát TTHC năm 2021, thực hiện trong tháng 12/2021).

#### **3.2. Rà soát, đánh giá TTHC**

##### *3.2.1. Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC:*

Trong tháng 01 năm 2020, Sở ban hành Kế hoạch số 15/KH-STNMT ngày 29/01/2021 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2020.

##### *3.2.2. Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá TTHC:*

Thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2020, Sở đã ban hành Báo cáo số 56/BC-STNMT ngày 18/3/2021 về kết quả rà soát, đánh giá TTHC năm 2021.

##### *3.2.3. Kết quả thực hiện rà soát, đánh giá TTHC trong năm:*

Có 04 TTHC kiến nghị đơn giản hóa: (1) Cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (*rút ngắn thời gian giải quyết tại bước thẩm định đề án, báo cáo*); (2) Cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với các hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với các hoạt động khác (*rút ngắn thời gian giải quyết tại bước thẩm định đề án, báo cáo*) ; (3) Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất với trường hợp có nhu cầu ; (4) Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; điều kiện giao đất, thuê đất không

thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (*đối với dự án không sử dụng đất lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ*) và được UBND tỉnh thông qua tại Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 23/11/2021.

### **3.3. Công bố, công khai TTHC về kết quả giải quyết hồ sơ**

*3.3.1. Trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết :*

Trong năm 2021, Sở đã trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố kịp thời, đầy đủ, đúng quy định danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường tại Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 04/10/2021.

*3.3.2. Nhập, đăng tải công khai TTHC vào CSDL quốc gia sau khi công bố:*

Nhập, đăng tải kịp thời, đầy đủ về công khai các TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết vào CSDL quốc gia theo chỉ đạo tại Văn bản số 3725/UBND-NCPC ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh và các TTHC sau khi được công bố.

*3.3.3. Trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC :*

Trong năm 2021, Sở đã trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý trong lĩnh vực môi trường tại Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 09/7/2021;

*3.3.4. Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Công dịch vụ công của tỉnh. Các hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được công khai kịp thời, đầy đủ về tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Công dịch vụ công của tỉnh.*

### **3.4. Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của tổ chức, cá nhân đối với TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết**

*3.4.1. Công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý PAKN:*

Ban hành Thông báo số 01/TB-STNMT ngày 03/01/2021 về công khai số điện thoại 0915.344.000 trên Trang thông tin điện tử của Sở để tổ chức, cá nhân biết và phân công đồng chí Chánh tranh tra Sở trực tiếp phụ trách.

*3.4.2. Thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết:*

Từ đầu năm đến nay, Sở không nhận được phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về TTHC nên không phát sinh việc xử lý.

### **3.5. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

*3.5.1. Tỷ lệ TTHC đang đưa vào thực hiện cơ chế một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của đơn vị:*

Tổng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa 100/100 TTHC = 100%.

*3.5.2. Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông:*

Có 39/100 TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông = 52,53%.

*3.5.3. Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC:*

Điểm đánh giá từ mức khá trở lên.

### **3.6. Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC**

#### *3.6.1. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết theo quy định:*

Sở đạt ở mức từ 80%-dưới 100% hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn, cụ thể như sau:

Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/12/2021, Tổng số tiếp nhận 4.173 hồ sơ TTHC: Giải quyết trước hạn: 3866 hồ sơ; Giải quyết đúng hạn: 217 hồ sơ; hồ sơ quá hạn 0 hồ sơ; hồ sơ đang giải quyết: 90 hồ sơ.

#### *3.6.2. Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC:*

Năm 2021, Sở không có phát sinh việc ban hành văn bản xin lỗi công dân về giải quyết hồ sơ trễ hẹn.

### **4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính**

#### **4.1. Tuân thủ quy định của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy**

##### *4.1.1. Sắp xếp các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc:*

Sở đã thực hiện đúng quy định, cụ thể: Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 về thành lập phòng chuyên môn thuộc Sở, trong đó sáp nhập Phòng Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, với Phòng Khoáng sản thành phòng Khoáng sản - Tài nguyên nước, chuyển Chi cục Bảo vệ môi trường thành phòng Môi trường; sáp nhập Trung tâm Phát triển quỹ đất với Trung tâm Quan trắc tài nguyên môi trường thành Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường (Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 14/11/2018). Đến thời điểm hiện tại Sở có 05 phòng chuyên môn (Văn phòng, Thanh tra, Phòng Đất đai, Phòng Khoáng sản - Tài nguyên nước, Phòng Môi trường) giảm 02 phòng, 01 Chi cục; có 02 đơn vị sự nghiệp (Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai và 08 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện, thành phố), giảm 03 đơn vị trực thuộc Sở.

##### *4.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc:*

Sở đã ban hành và duy trì thực hiện các Quyết định: Số 55/QĐ-STNMT ngày 02/3/2017 về quy chế làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường, trong đó quy định chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Sở và Thanh tra Sở; số 291/QĐ-STNMT ngày 12/9/2017 quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng Đất đai; số 212/QĐ-STNMT ngày 04/7/2016 quy định chức năng, nhiệm vụ Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường; số 215/QĐ-STNMT ngày 4/6/2016 quy định chức năng nhiệm vụ của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh; số 15/QĐ-STNMT ngày 28/01/2019 về quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường; số 16/QĐ-STNMT ngày 28/01/2019 về quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Phòng Môi trường; số 17/QĐ-STNMT ngày 28/01/2019 về quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Phòng Khoáng sản - Tài nguyên nước.

##### *4.1.3. Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo và cấp phòng và tương đương:*

+ Lãnh đạo Sở có cơ cấu 04 người: Hiện nay có 01 Giám đốc, 03 phó Giám đốc;

+ Đối với 05 phòng chuyên môn thuộc Sở: Có 05 Cấp trưởng; 05 cấp phó

+ Đối với 02 đơn vị Sự nghiệp: Có 02 cấp trưởng; 04 cấp phó;

+ Đối với 08 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố: Có 02 Giám đốc; 06 Phó Giám đốc.

#### **4.2. Thực hiện việc tinh giản biên chế**

Ban hành và duy trì thực hiện Đề án số 01/ĐA-STNMT ngày 12/4/2019 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức và người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP. Qua đánh giá, Sở đã hoàn thành 100% kế hoạch, kết quả thực hiện, như sau:

- Biên chế công chức được giao: Năm 2015 Sở Tài nguyên và Môi trường được giao 41 biên chế; năm 2020 được giao 37 biên chế (*đã giảm 04 biên chế so với năm 2015*), số biên chế công chức đã giảm đủ theo chỉ tiêu được giao. Số công chức có mặt tại thời điểm ngày 25/11/2020 là 33 người.

- Biên chế viên chức: Số biên chế viên chức được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và Ủy ban nhân dân tỉnh giao năm 2020 (*Văn phòng Đăng ký đất đai và Trung tâm CNTT tài nguyên và môi trường*): Giao 60 biên chế viên chức. Số viên chức có mặt tại thời điểm ngày 25/11/2020 là 55 người; số biên chế viên chức chưa sử dụng là 05 biên chế.

- Biên chế viên chức tại Trung tâm Kỹ thuật TN&MT được giao 28 biên chế viên chức tại Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính giai đoạn 2019 - 2021. Số viên chức có mặt tại thời điểm ngày 25/11/2020 là 27 người; số biên chế viên chức chưa sử dụng là 01 biên chế.

#### *\* Hợp đồng lao động:*

Số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao năm 2020 giao 05 hợp đồng lao động. Số hợp đồng lao động có mặt tại thời điểm ngày 25/11/2020 là 05 người; số hợp đồng lao động chưa sử dụng là 0 hợp đồng.

### **5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức**

#### **5.1. Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm**

*5.1.1. Tỷ lệ phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt:*

Việc bố trí, sử dụng công chức, viên chức theo đúng chuyên môn được đào tạo và đúng chức năng, nhiệm vụ được giao và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, ngành nghề cụ thể của từng phòng chuyên môn, đảm bảo theo vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm thuộc Sở, Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở. Qua đó đã phát huy được tính chủ động sáng tạo của công chức, viên chức và tham mưu tốt cho công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường.

*5.1.2. Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt:* Không có.

## **5.2. Thực hiện quy định về sử dụng biên chế, tuyển dụng và thăng hạng viên chức**

### *5.2.1. Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức theo thẩm quyền:*

Sở đã ban hành Văn bản số 261/STNMT-VP ngày 27/02/2020 về việc đăng ký nhu cầu tuyển dụng viên chức năm 2020, tuy nhiên hiện nay đang chờ chủ trương của tỉnh.

### *5.2.2. Thực hiện quy định về thăng hạng viên chức theo thẩm quyền:*

Thực hiện Công văn số 4367/UBND-NCPC của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc thực hiện Văn bản số 4056/BTNMT-TCCB ngày 29/7/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cử viên chức dự thi thăng hạng viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường năm 2020. Căn cứ đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Sở đã tiến hành rà soát, tổng hợp số lượng viên chức đủ điều kiện thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo từng chức danh, từng hạng gồm (*Viên chức chuyên ngành Địa chính hạng IV lên hạng III: 04 viên chức; viên chức chuyên ngành Đo đạc bản đồ hạng IV lên hạng III: 02 viên chức*), Sở ban hành Văn bản số 1646/STNMT-VP ngày 07/8/2020; UBND tỉnh ban hành Văn bản số 4583/UBND-NCPC ngày 07/8/2020 về việc gửi viên chức dự thi thăng hạng CDNN viên chức ngành tài nguyên và môi trường năm 2020 (dự thi cùng kỳ thi do Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức).

### *5.2.3. Thực hiện quy định về sử dụng biên chế công chức, viên chức và hợp đồng lao động:*

Việc sử dụng công chức, viên chức của Sở được thực hiện đúng quy định, không vượt quá số lượng biên chế được giao, cụ thể:

- Số công chức được giao năm 2020 là 37 biên chế, số sử dụng 33 biên chế, số chưa sử dụng là 04 biên chế;

- Số viên chức được giao năm 2020 đối với Văn phòng Đăng ký đất đai và Trung tâm CNTT tài nguyên và môi trường là 60 biên chế, số sử dụng là 55 biên chế; số biên chế viên chức chưa sử dụng là 05 biên chế.

- Số viên chức tại Trung tâm Kỹ thuật TN&MT được giao 28 biên chế viên chức tại Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính giai đoạn 2019 – 2021. Số viên chức có mặt tại thời điểm ngày 25/11/2020 là 27 người; số biên chế viên chức chưa sử dụng là 01 biên chế.

- Số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao năm 2020: Giao 05 hợp đồng lao động. Số hợp đồng lao động có mặt tại thời điểm ngày 25/11/2020 là 05 người.

## **5.3. Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo các phòng, ban và tương đương**

Công tác bổ nhiệm, điều động công chức, viên chức đều thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, trên cơ sở qui hoạch được thảo luận dân chủ, công khai, trước khi bổ nhiệm, điều động được thông qua tập thể Ban Giám đốc Sở, Ban Chấp hành Đảng bộ Sở và thực hiện đúng quy trình theo quy định. Không để xảy ra vi phạm qui trình hoặc khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ, cụ thể: Từ tháng 01/2020 đến 25/11/2020 thực hiện bổ nhiệm 02 viên chức lãnh đạo, quản lý (*Phó*



*Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Chợ Đồn, TP Bắc Kạn*), bổ nhiệm 01 Phó Chánh thanh tra Sở và bổ nhiệm lại 01 công chức lãnh đạo, quản lý Chánh Thanh tra Sở.

#### **5.4. Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức**

Chỉ đạo công chức, viên chức thực hiện theo quy định tại Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh; ban hành Văn bản số 581/STNMT-VP ngày 08/4/2020 về việc chỉ đạo thực hiện Đề án văn hóa công vụ. Thời gian qua, việc chấp hành nội quy, quy chế, kỷ luật, kỷ cương của công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị luôn thực hiện tốt, có tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, có ý thức chủ động nghiên cứu, học hỏi nâng cao năng lực chuyên môn, qua đó nâng cao hiệu quả công tác. Trong năm 2020, Sở không có công chức, viên chức, người lao động bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên.

### **6. Cải cách tài chính công**

#### **6.1. Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan, đơn vị**

\* *Đối với khối Văn phòng Sở:* Ban hành Quyết định số 29/QĐ-STNMT ngày 20/01/2020 về quy chế chi tiêu nội bộ và Quyết định số 30/QĐ-STNMT ngày 20/01/2020 về quy chế quản lý tài sản công.

\* *Đối với các đơn vị thuộc Sở:* Văn phòng Đăng ký đất đai ban hành Quyết định số 48/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 11/02/2020 về quy chế chi tiêu nội bộ, Quyết định số 80/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 02/3/2020 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường ban hành Quyết định số 60/QĐ-TTKT ngày 02/3/2020 về quy chế chi tiêu nội bộ, Quyết định số 61/QĐ-TTKT ngày 02/3/2020 Quy chế quản lý, sử dụng tài sản tại công; Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường ban hành Quyết định số 19/QĐ-TTCNTT ngày 04/02/2020 về Quy chế chi tiêu nội bộ, Quyết định số 20/QĐ-TTCNTT ngày 05/02/2020 về Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.

#### **6.2. Việc thực hiện định mức sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc**

Đạt 100% cơ quan, đơn vị thực hiện theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 17/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về ban hành quy định phân cấp, quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 120/QĐ-STNMT ngày 31/3/2020 và Quyết định 252/QĐ-STNMT ngày 15/7/2020 về danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng của đơn vị.

#### **6.3. Việc tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho công chức, viên chức và lao động hợp đồng 68 (Nghị định số 68/2000/NĐ-CP)**

\* *Đối với khối Văn phòng Sở:* Thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ. Từ đầu năm đến nay đã thực hiện chi tạm ứng thu nhập

cho công chức, viên chức, người lao động số tiền 50 triệu đồng; dự ước tổng chi thu nhập tăng thêm cho công chức, viên chức, người lao động cả năm 2020 của Sở khoảng 250 triệu đồng.

\* *Đối với các đơn vị thuộc Sở:* Thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác. Hàng năm các đơn vị đều thực hiện tiết kiệm và thực hiện chi thu nhập tăng thêm vào cuối năm.

#### **6.4. Đánh giá việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc**

Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian quy định: Đánh giá tại Báo cáo số 03/BC-STNMT ngày 09/01/2019 về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2015/NĐ-CP ngày 17/10/2015 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ; báo cáo số 04/BC-STNMT ngày 09/01/2019 về đánh giá về tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở.

#### **6.5. Thực hiện công khai tài chính tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc “Thủ trưởng đơn vị dự toán thực hiện công khai đầy đủ những nội dung quy định tại Điều 3 Chương II Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ”.**

Có 100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định, cụ thể:

- *Khối Văn phòng Sở:* Ban hành Quyết định số 215/QĐ-STNMT ngày 08/6/2020 về việc công bố công khai quyết toán năm 2019; Quyết định số 06/QĐ-STNMT ngày 08/01/2020 về việc công bố công khai dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2020 của Sở.

- *Đối với các đơn vị thuộc Sở:*

+ Văn phòng Đăng ký đất đai ban hành Quyết định số 197/QĐ-VPĐK ngày 22/4/2020 về việc công bố công khai quyết toán năm 2019; Quyết định số 21/QĐ-VPĐK ngày 10/01/2020 về công bố công khai dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2020;

+ Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường ban hành Quyết định số 84/QĐ-TTKT ngày 24/3/2020 về công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2019, Quyết định số 15/QĐ-TTKT ngày 09/01/2020 về công bố công khai dự toán thu - chi toán ngân sách năm 2020;

+ Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường ban hành Quyết định số 51/QĐ-TTCNTT ngày 24/3/2020 về công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2019, Quyết định số 03/QĐ-TTCNTT ngày 07/01/2020 về công bố công khai dự toán thu - chi ngân sách năm 2020.

**6.6. Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách:** Không có.

## **7. Hiện đại hóa hành chính**

### **7.1. Môi trường chính sách**

*7.1.1. Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm:*

Căn cứ Công văn số 1058/STTTT-CNTT ngày 06/8/2020 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ số/Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 và năm 2021, Sở đã ban hành đúng thời gian và tổ chức thực hiện hoàn thành trên 90% Kế hoạch số 51/KH-STNMT ngày 17/9/2020 về kế hoạch Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Sở giai đoạn 2020-2025 và năm 2021.

*7.1.2. Thành lập, kịp thời kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử hoặc phân công lãnh đạo phụ trách xây dựng Chính quyền điện tử; tổ chức các cuộc họp hàng năm của Ban chỉ đạo:*

Sở đã ban hành Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 về kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử năm 2020; ngày 12/5/2020 tổ chức Họp phân công thành viên Ban chỉ đạo, thông qua dự thảo Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử Sở năm 2020.

*7.1.3. Ban hành văn bản quy định về tổ chức ứng dụng các hệ thống thông tin và bảo đảm an toàn an ninh thông tin nội bộ; quy định về nhận văn bản điện tử, ứng dụng chữ ký số... trong nội bộ cơ quan:*

Ban hành Quyết định số 241/QĐ-STNMT ngày 01/7/2020 v/v ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin, mạng internet và một số phần mềm tại Sở.

### **7.2. Hạ tầng và nguồn lực Công nghệ thông tin**

*7.2.1. Tổng số máy tính trang bị cho công chức, viên chức làm công tác chuyên môn:*

100% công chức, viên chức trong Sở đều được trang bị máy tính và các thiết bị để làm việc, các phòng, các đơn vị tùy theo nhiệm vụ được trang bị các thiết bị phục vụ công tác chuyên môn như: Máy in A4, A3, A0; máy quét tài liệu A4, A3, A0, máy photocopy và các thiết bị chuyên dụng phục vụ nghiệp vụ chuyên môn. Tổng số máy tính của đơn vị hiện nay là 122 máy, trong đó có 106 máy tính để bàn, 16 máy tính xách tay.

*7.2.2. Tổng số máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền (Trừ máy tính soạn thảo văn bản mật):*

100% máy tính của công chức, viên chức được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền (Trừ máy tính soạn thảo văn bản mật).

*7.2.3. Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin:*

Hiện nay Sở có 02 viên chức có trình độ Đại học CNTT.

### **7.3. Ứng dụng công nghệ thông tin**

*7.3.1. Sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc TDOffice:*

100% văn bản được phân công xử lý, trao đổi, duyệt, ký trên phần mềm (Trừ văn bản mật).

### 7.3.2. Trao đổi văn bản điện tử:

100% văn bản được ký số đúng quy định và gửi điện tử (Trừ văn bản mật).

### 7.3.3. Có Trang/Cổng TTĐT đáp ứng đầy đủ các quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP; Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT:

Sở có Trang thông tin đáp ứng đầy đủ tại Địa chỉ: <http://tnmtbackan.gov.vn>; ban hành Kế hoạch số 51/KH-STNMT ngày 17/9/2020 về Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2020-2025, Quyết định số 305/QĐ-STNMT ngày 21/9/2017 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trang thông tin điện tử của Sở và có Giấy phép số 62/GP-TTĐT ngày 21/10/2019 của Giám đốc Sở Thông tin và Thông tin truyền thông.

### 7.3.4. Sử dụng hệ thống một cửa điện tử, một cửa liên thông:

Duy trì sử dụng ổn định, đầy đủ chức năng, cập nhật 100% hồ sơ TTHC phát sinh của đơn vị vào phần mềm, cụ thể nêu tại ý 3.6.1 của báo cáo này.

### 7.3.5. Tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 3 (Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3) trên tổng số TTHC của đơn vị:

Sở có 99TTHC, trong đó có 79 TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 đạt 79,8%, đạt chỉ tiêu giao tại Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của UBND tỉnh.

### 7.3.6. Tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 4 (Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4) trên tổng số TTHC của đơn vị:

Sở có 99TTHC, trong đó có 41 TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4 đạt 41,41%, đạt chỉ tiêu giao tại Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của UBND tỉnh.

### 7.3.7. Tỷ lệ Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến trên tổng số Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ của đơn vị:

Trong năm có 04 hồ sơ phát sinh qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3; mức độ 4 không có hồ sơ phát sinh.

### 7.3.8. Tỷ lệ hồ sơ TTHC phát sinh trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ phát sinh của các TTHC đó:

Mức độ 3 có 04 hồ sơ phát sinh/79 TTHC được cung cấp mức độ 3 = 5,06%

### 7.3.9. Rà soát tỷ lệ cung cấp DVCTT mức độ 3, 4 đối với TTHC thuộc lĩnh vực ngành quản lý tại cấp huyện, cấp xã đạt chỉ tiêu đề ra đối với môi cấp:

Sở đã tiến hành rà soát 34/34 TTHC thuộc lĩnh vực đất đai cấp huyện, trong đó 24/34 TTHC đạt mức độ 3 = 70,5%; 22/34 TTHC đạt mức độ 4 = 64,7%, đạt chỉ tiêu giao tại Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của UBND tỉnh.

### 7.3.10. Sử dụng chứng thư số chuyên dùng cho các giao dịch điện tử khác như: Bảo hiểm xã hội, Kho bạc, Thuế:

Thực hiện sử dụng chứng thư số chuyên dùng cho các giao dịch điện tử như: Bảo hiểm xã hội, Kho bạc, Thuế do Ban cơ yếu Chính phủ cấp.

## 7.4. Sử dụng dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)

### 7.4.1. Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI:

Tính đến ngày 24/11/2020, Sở có 490 hồ sơ phát sinh/32 TTHC/43 TTHC cung cấp qua DVBCCI = 74,4%

7.4.2. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI:

Tính đến ngày 24/11/2020, Sở có 490 hồ sơ phát sinh/17.602 hồ sơ TTHC phải giải quyết = 2,8%

7.4.3. Tỷ lệ trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI:

Tính đến ngày 24/11/2020, Sở có 4 hồ sơ chuyển tra qua DVBCCI/490 hồ sơ phát sinh = 0,82%

## **7.5. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO**

7.5.1. Công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan, đơn vị (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc phải áp dụng theo quy định):

Ban hành Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Sở.

7.5.2. Tổ chức đánh giá nội bộ, họp xem xét của lãnh đạo hàng năm theo quy định (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc phải áp dụng theo quy định):

Ngày 15/9/2020, Sở đã ban hành Chương trình, Kế hoạch đánh giá nội bộ năm 2020 và tiến hành đánh giá quy trình nội bộ của các phòng, đơn vị: Văn phòng Sở; Thanh tra; Đất đai; Môi trường; Khoáng sản – TNN; Văn phòng Đăng ký đất đai; Trung tâm CNTT tài nguyên và môi trường. Ban hành báo cáo đánh giá tổng hợp Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015.

Ngày 18/9/2020 họp Ban chỉ đạo, lãnh đạo các phòng, đơn vị xem xét Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015.

7.5.3. Thực hiện việc duy trì, cải tiến ISO theo quy định (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc phải áp dụng theo quy định):

Ban hành Kế hoạch số 15/KH-STNMT ngày 18/02/2020 về duy trì, áp dụng, cải tiến và xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động tại Sở Tài nguyên & Môi trường;

## **8. Kết quả nâng cao chỉ số PAPI**

Việc triển khai, thực hiện nâng cao Chỉ số PAPI theo Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 10/3/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc nâng cao Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công tỉnh Bắc Kạn năm 2020, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch số 24/KH-STNMT ngày 13/3/2020 đề ra 07 chỉ số nội dung để thực hiện và đạt được một số kết quả như sau:

8.1. Chỉ số “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở: Công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở về chính sách pháp luật, các quy định... thuộc lĩnh vực ngành tài nguyên môi trường tạo điều kiện thuận lợi nhất để nhân dân tham gia thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định.

8.2. Chỉ số “Công khai, minh bạch”: Việc cung cấp thông tin nhanh chóng minh bạch đến các doanh nghiệp cũng được Sở quan tâm thực hiện. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Bắc Kạn được Chính phủ xét duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 07/02/2013.

Đối với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 -2020) tỉnh Bắc Kạn được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 39/NQ-CP ngày 09/5/2018, Sở đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 về việc công bố, công khai điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất theo quy định. Đối với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu (năm 2016) của điều chỉnh quy hoạch cấp huyện, đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu (năm 2016) của điều chỉnh quy hoạch của 08/08 huyện, thành phố và hướng dẫn UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện việc công bố công khai đúng quy định tại Khoản 3 Điều 48 Luật Đất đai năm 2013 để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, tiếp cận quỹ đất của tỉnh tìm hiểu và nghiên cứu đầu tư. Công bố, công khai Bảng giá các loại đất và các quyết định phê duyệt giá đất cụ thể tính tiền bồi thường về đất đối với từng công trình, dự án trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh Bắc Kạn và Trang thông tin điện tử Sở để lấy ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

8.3. Chỉ số “Trách nhiệm giải trình với nhân dân”: Thực hiện tiếp công dân: 12 lượt người; không có đoàn đông người. Nội dung: Giải quyết những vấn đề liên quan đến lĩnh vực đất đai, bảo vệ môi trường. Tham gia tiếp dân tại trụ sở Tiếp công dân UBND tỉnh theo yêu cầu của Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội Đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh: 08 buổi. Tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai: Tổng số đơn phải giải quyết: 46 đơn, trong đó: Giải quyết xong: 36 đơn; đang giải quyết: 03 đơn; Lưu theo quy định: 07 đơn.

8.4. Chỉ số “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”: Ban hành và thực hiện các quy định về chi tiêu nội bộ, quản lý tài sản công, quy định về công khai tài chính theo quy định, đồng thời thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng để công chức, viên chức thực hiện.

8.5. Chỉ số “Thủ tục hành chính công”: Ban hành Văn bản số 123/STNMT-VP ngày 04/02/2020; Văn bản số 1093/STNMT-VP ngày 05/6/2020 về chỉ đạo các phòng, đơn vị, công chức, viên chức thực hiện nâng cao công tác CCHC, trong đó tập trung chỉ đạo công chức, viên chức trực tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và công chức, viên chức trực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố hướng dẫn người dân cụ thể, rõ ràng khi tiếp nhận hồ sơ TTHC; kết quả giải quyết hồ sơ đúng hạn đạt 99,95%; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC; rà soát, đề nghị cấp có thẩm quyền đơn giản hóa TTHC 02 TTHC; cập nhật đầy đủ, kịp thời và niêm yết công khai, minh bạch các loại phí, lệ phí thực hiện TTHC đúng quy định.

8.6. Chỉ số “Quản trị môi trường”: Ban hành văn bản đề nghị các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tuyên truyền về ý nghĩa của Ngày Môi trường thế giới 05/6/2020, với Chủ đề “*Hành động vì thiên nhiên*”; tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn đa dạng sinh học tại 03 xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn; xã Lương Thượng, huyện Na Rì và xã Đồng Phúc, huyện Ba Bể với 257 lượt người tham gia; hỗ trợ 10 thùng đựng rác cho 10 trường mầm non thuộc huyện

Na Rì. Ban hành Quyết định số 83/QĐ-STNMT ngày 12/3/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch và dự toán chi tiết nhiệm vụ: Kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường và kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2020 đối với 18 đơn vị, qua kiểm tra không có đơn vị nào vi phạm đến mức phải xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Ban hành Quyết định số 400/QĐ-STNMT ngày 19/11/2019 về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với 14 tổ chức trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Qua kiểm tra theo, Chánh Thanh tra Sở đã ban hành 06 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với 05 tổ chức, tổng số tiền phạt là 201.000.000 đồng; trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 140.000.000 đồng đối với 01 tổ chức xây lắp đường ống để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường.

8.7. Chỉ số “Quản trị điện tử”: Ban hành 06 văn bản chỉ đạo tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần nâng cao chỉ số ứng dụng CNTT (ICT-INDEX); kịp thời truyền tải những thông tin về các hoạt động của ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, nội dung những văn bản chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, của UBND tỉnh, của Sở Tài nguyên và Môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật khác đến công chức, viên chức, người lao động trong Sở cũng như phổ biến tuyên truyền đến người dân và doanh nghiệp.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được**

Đảng ủy, Ban Giám đốc Sở đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác CCHC; xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo kịp thời và tổ chức thực hiện cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ công tác CCHC; các nội dung chỉ đạo thực hiện bám sát trên cơ sở kế hoạch của tỉnh để cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị; bố trí kinh phí đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ công tác CCHC năm 2021.

### **2. Tồn tại hạn chế, nguyên nhân**

Hồ sơ phát sinh giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, dịch vụ Bru chính công ích đạt thấp. Nguyên nhân, do tổ chức, cá nhân còn tâm lý e ngại, chưa quen với hình thức nộp hồ sơ qua mạng hoặc không có nhu cầu nộp, nhận kết quả qua dịch vụ Bru chính công ích nên việc giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 và DVBCCI.

Đối với công tác cải cách tài chính công: Các đơn vị sự nghiệp mặc dù đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, tuy nhiên do nguồn tài chính của các đơn vị còn thấp nên chưa quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tài chính của đơn vị.

### **III. NHIỆM VỤ CCHC NĂM 2022**

*(Theo biểu tổng hợp gửi kèm báo cáo này).*

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021 và nhiệm vụ CCHC năm 2022, đề nghị Sở Nội vụ xem xét tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

*Gửi bản điện tử:*

- Sở Nội vụ (b/c);
- Sở TTTT;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng CM, đơn vị thuộc Sở;
- Chánh Văn phòng Sở;
- Lưu: VT. (Hiển).

**GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Thanh Oai**